

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2958/QĐ-BKHCN

Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Hợp tác xây dựng	
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN VIKIST	
Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam – Hàn Quốc tại Việt Nam	
CÔNG VĂN ĐẾN	
Số đến: 114	
Ngày: 30 tháng 11 năm 2017	
Chuyên: GP, Lê Ngọc Việt	

BỘ TRƯỞNG
BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Căn cứ Nghị định số 95/2017/NĐ-CP ngày 16/8/2017 của Chính phủ Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

+ Căn cứ Nghị định số 50/2015/NĐ-CP ngày 18/5/2015 của Chính phủ về việc thành lập Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam - Hàn Quốc (Viện KKIST);

Căn cứ Nghị định số 38/2013/NĐ-CP ngày 23/4/2013 của Chính phủ về quản lý và sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và nguồn vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ;

Căn cứ Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16/03/2016 của Chính phủ về Quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài;

Căn cứ Nghị định số 84/2015/NĐ-CP ngày 30/9/2015 của Chính phủ về giám sát đánh giá đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 119/2015/NĐ-CP ngày 13/11/2015 của Chính phủ về quy định bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động đầu tư xây dựng;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Xây dựng số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình; Số 06/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BKHĐT ngày 08/8/2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16/03/2016 của Chính phủ về Quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài;

Căn cứ Quyết định số 79/QĐ-BXD ngày 15/02/2017 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Định mức chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng;

+ Căn cứ Quyết định số 1238/QĐ-TTg ngày 29/7/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh mục dự án Hợp tác xây dựng Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam - Hàn Quốc tại Việt Nam (Dự án VKIST) do Chính phủ Hàn Quốc tài trợ; Văn bản số 7029/VPCP-QHQT ngày 07/9/2015 của Văn phòng Chính phủ về việc thủ tục thực hiện Dự án VKIST do Hàn Quốc viện trợ không hoàn lại;

+ Căn cứ Quyết định số 1494/QĐ-BKHCN ngày 18/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc giao nhiệm vụ Chủ đầu tư Dự án VKIST;

+ + 9/9/2016, Thủ tướng Chính phủ
Căn cứ Biên bản thảo luận giữa Cơ quan Hợp tác quốc tế nước Đại Hàn Dân Quốc và Bộ Khoa học và Công nghệ nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam cho dự án thành lập Viện VKIST ngày 24/10/2014 (ROD);

+ C-042958
30/10/2017
+ C-ND 04/2019
Căn cứ các Văn bản của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Hòa Lạc số 340/CNCHL-QHXDMT ngày 15/6/201 về việc thông tin quy hoạch xây dựng Viện VKIST; Số 500/CNCHL-QHXDMT ngày 16/8/2016 của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Hòa Lạc về việc thống nhất một số thông tin quy hoạch phục vụ lập Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Dự án VKIST tại Khu CNC Hòa Lạc;

Căn cứ các Quyết định của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Hòa Lạc số 252/QĐ-CNCHL ngày 01/12/2016 về việc phê duyệt Nhiệm vụ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Dự án VKIST tại Khu Nghiên cứu và triển khai - Khu Công nghệ cao Hòa Lạc; Số 05/QĐ-CNCHL ngày 17/01/2017 về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Dự án VKIST tại Khu Nghiên cứu và triển khai - Khu Công nghệ cao Hòa Lạc;

Căn cứ Văn bản số 3237/TC-QC ngày 12/9/2013 của Cục Tác chiến - Bộ Tổng tham mưu về việc thông tin về độ cao tĩnh không Quy hoạch chung xây dựng Khu Công nghệ cao Hòa Lạc;

Căn cứ Văn bản số 101/CSPC&CC-P3 ngày 03/7/2017 của Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy thành phố Hà Nội về việc góp ý về giải pháp phòng cháy chữa cháy đối với hồ sơ thiết kế cơ sở Dự án VKIST (giai đoạn 1);

Căn cứ Thông báo kết quả thẩm định số 1007/HĐXD-QLKT ngày 27/10/2017 của Cục Hoạt động xây dựng, Bộ Xây dựng về việc thông báo kết quả thẩm định Dự án VKIST;

Căn cứ Quyết định số 2673/QĐ-BTNMT ngày 30/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi

trường của dự án Hợp tác xây dựng Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam – Hàn Quốc tại Việt Nam (giai đoạn 1);

Căn cứ Báo cáo khảo sát địa chất lập năm 2017; Báo cáo đánh giá tác động môi trường do Ban quản lý dự án Hợp tác xây dựng Viện VKIST và Trường Đại học Khoa học tự nhiên phối hợp thực hiện năm 2017; Thuyết minh Báo cáo nghiên cứu khả thi và khái toán xây dựng công trình do Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ, Thiết bị và Kiểm định xây dựng lập năm 2017; Bản vẽ thiết kế cơ sở do Công ty Tư vấn thiết kế xây dựng và Quy hoạch Heerim lập năm 2017;

Xét đề nghị tại Tờ trình số 685/TTr - CNCHL ngày 19/10/2017 của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Hòa Lạc về việc đề nghị phê duyệt Dự án VKIST do Chính phủ Hàn Quốc tài trợ;

Căn cứ Quyết định số 2950/QĐ-BKHHCN ngày 27/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc thành lập Hội đồng thẩm định hồ sơ xin phê duyệt dự án Hợp tác xây dựng Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam – Hàn Quốc tại Việt Nam;

Căn cứ Báo cáo thẩm định hồ sơ xin phê duyệt Dự án VKIST ngày 30/10/2017 của Hội đồng thẩm định; Hồ sơ xin phê duyệt dự án đã sửa đổi, bổ sung theo ý kiến của Hội đồng Thẩm định; Báo cáo xác nhận sửa đổi, bổ sung hồ sơ xin phê duyệt dự án của các thành viên Hội đồng thẩm định;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Hợp tác xây dựng Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam - Hàn Quốc tại Việt Nam với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên dự án: Hợp tác xây dựng Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam - Hàn Quốc tại Việt Nam;

2. Chủ đầu tư: Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Hòa Lạc;

3. Mục tiêu đầu tư xây dựng:

Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật và cung cấp thiết bị nghiên cứu theo các lĩnh vực nghiên cứu được xác định nhằm thành lập một viện khoa học và công nghệ đạt tiêu chuẩn quốc tế, góp phần thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa Việt Nam.

Chia sẻ mô hình hoạt động của Viện KIST, mở rộng và phát triển kỹ thuật công nghiệp đáp ứng nhu cầu của thị trường. Thúc đẩy hợp tác giữa các Bên nhằm đẩy mạnh sự phát triển thể chế và nguồn nhân lực lĩnh vực khoa học công nghệ

4. Nội dung và quy mô đầu tư xây dựng

Nội dung và quy mô đầu tư xây dựng giai đoạn 1 của Dự án VKIST (theo phạm vi đã thống nhất giữa Cơ quan Hợp tác quốc tế nước Đại Hàn Dân Quốc và Bộ Khoa học và Công nghệ nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam) gồm 3 khu: Khu nghiên cứu A1, Khu nghiên cứu A2, Khu nghiên cứu A3 và các hạng mục công trình phụ trợ.

a) Các hạng mục công trình chính

Khu nghiên cứu A1: Trạm xử lý nước thải (W), Trung tâm máy 2 (MC2)

- Trạm xử lý nước thải cao 01 tầng và 01 tầng hầm; diện tích 196m²; chiều cao công trình 4,35m (từ sân đến đỉnh mái). Tầng hầm cao 3,3m, diện tích 196m² bố trí các bể xử lý theo dây chuyền công nghệ; tầng 1 cao 3,6m, bố trí các phòng chức năng theo công nghệ xử lý;

- Trung tâm máy 2 cao 02 tầng; diện tích xây dựng 836m²; tổng diện tích sàn xây dựng 1.046m²; chiều cao công trình 9,15m (từ sân đến đỉnh mái). Tầng 1 cao 4,2m, diện tích 836m², bố trí sảnh tầng, phòng khí nén, phòng kỹ thuật điện (thông tầng với tầng 2), phòng máy (thông tầng với tầng 2), bể nước sạch (thông tầng với tầng 2), phòng bảo dưỡng, phòng nghỉ, kho; tầng 2 cao 4,2m, diện tích 210m², bố trí sảnh tầng, phòng sự cố, phòng điều khiển, phòng kỹ thuật;

Khu nghiên cứu A2: Nhà chính (MB), Nhà nghiên cứu 1 (RB1), Nhà cầu (D):

- Nhà chính (hình chữ L) cao 04 tầng và 02 tầng kỹ thuật mái; diện tích xây dựng Nhà chính 2.122 m²; tổng diện tích sàn xây dựng Nhà chính 6.311 m²; chiều cao công trình Nhà chính 27,35m (từ sân đến đỉnh mái);

- Nhà nghiên cứu 1 cao 04 tầng và 02 tầng kỹ thuật mái được nối với khối Nhà chính bởi sân hiên (Nhà cầu) bên ngoài tầng 2 và cầu thang ngoài trời (tại tầng 3 và 4), 02 khối nhà này tạo thành hình chữ V có 2 cánh mở rộng dần ra phía mặt hồ; diện tích xây dựng 1.179 m²; tổng diện tích sàn xây dựng 3.749 m²; chiều cao công trình 27,35m (từ sân đến đỉnh mái);

- Nhà cầu gồm phần sân hiên che cho bãi để xe và hành lang phía dưới bên ngoài tầng 1 công trình Nhà chính; cao độ mái nhà cầu là cao độ sàn tầng 2 Nhà chính (cốt + 5,4m); diện tích xây dựng 2.027 m².

Khu nghiên cứu A3: (Nhà nghiên cứu 2 (RB2), Nhà nghiên cứu 3 (RB3), Nhà cầu (D) và Hành lang cầu đi bộ (D1):

- Nhà nghiên cứu 2 cao 04 tầng và 02 tầng kỹ thuật mái được nối với khối Nhà nghiên cứu 1 bởi Hành lang cầu đi bộ trên cao, phía dưới đất là đường giao thông nội bộ (trục đường ngang chính), 02 khối nhà này tạo nên một cánh của chữ V lớn và khối Nhà nghiên cứu 2 có vị trí gần bờ hồ Tân Xã hơn; diện tích xây dựng 1.193 m²; tổng diện tích sàn xây dựng 4.029 m²; chiều cao công trình 27,35m (từ sân đến đỉnh mái);

- Nhà nghiên cứu 3 cao 04 tầng và 02 tầng kỹ thuật mái được nối với khối nhà thuộc cánh chữ L của khối Nhà chính bởi sân hiên (Nhà cầu) bên ngoài

tầng 2 dẫn từ Nhà chính sang và Hành lang cầu đi bộ trên cao, phía dưới đất là đường giao thông nội bộ (trục đường ngang chính); diện tích xây dựng 1.443 m²; tổng diện tích sàn xây dựng 4.302 m²; chiều cao công trình 27,35m (từ sân đến đỉnh mái);

- Hành lang cầu đi bộ nối giữa khu A2 và khu A3 tại các tầng 2,3,4 (Nhà chính và Nhà nghiên cứu 3; Nhà nghiên cứu 1 với Nhà nghiên cứu 2); diện tích xây dựng 269 m²

- Nhà cầu (sân hiên) dẫn từ Nhà chính sang; diện tích xây dựng 847 m²

b) Các hạng mục công trình phụ trợ:

- Sân nền, xây dựng hạ tầng và cảnh quan sân vườn cho toàn bộ diện tích 79.179 m² khu đất quy hoạch;

- Nhà bảo vệ cao 01 tầng; diện tích 160m²; chiều cao công trình 4,95m (từ sân đến đỉnh mái). Tầng 1 cao 4,2m, bố trí sảnh với quầy lễ tân, phòng nghỉ trực, văn phòng;

- Và một số hạng mục phụ trợ khác.

5. Tổ chức tư vấn lập dự án:

- Nhà thầu lập thiết kế cơ sở: Công ty Tư vấn Thiết kế Xây dựng và Quy hoạch Heerim (Hàn Quốc) và Công ty Cổ phần Tư vấn kiến trúc, kỹ thuật và môi trường NDC (Nhà thầu tư vấn địa phương);

- Nhà thầu lập Báo cáo nghiên cứu khả thi (lập các nội dung khác của Báo cáo nghiên cứu khả thi và hoàn thiện thiết kế cơ sở): Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ, Thiết bị và Kiểm định xây dựng- CONINCO;

6. Chủ nhiệm lập dự án:

- Chủ nhiệm lập Báo cáo nghiên cứu khả thi: Ông Nguyễn Quang Bảo ; Chứng chỉ hành nghề số BXD-00000653 do Bộ Xây dựng cấp ngày 11/04/2017;

- Chủ nhiệm thiết kế: ông Jeong Young Kyoon; Chứng chỉ hành nghề số 13322 ngày 14/12/2000 (do Bộ Trưởng Bộ Giao thông xây dựng Hàn Quốc cấp).

7. Địa điểm xây dựng:

Khu Nghiên cứu và triển khai – Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, đại lộ Thăng Long, huyện Thạch Thất, Hà Nội

8. Diện tích sử dụng đất:

- Diện tích khu đất: 79.179 m²;

- Diện tích xây dựng công trình: 10.272 m²;

- Tổng diện tích sàn xây dựng: 19.793 m²;

- Mật độ xây dựng: 13%;

- Hệ số sử dụng đất: 0,25 lần;

9. Loại, cấp công trình: Dự án nhóm A, công trình dân dụng, cấp II, III;
10. Số bước thiết kế: Thiết kế 02 bước;
11. Phương án xây dựng: Thiết kế cơ sở do Công ty Tư vấn Thiết kế Xây dựng và Quy hoạch Heerim (Hàn Quốc) lập được Chủ đầu tư xác nhận;
12. Tổng mức đầu tư của dự án: 924.126.527.000 đồng (Bằng chữ: Chín trăm hai mươi tư tỷ, một trăm hai mươi sáu triệu, năm trăm hai mươi bảy nghìn đồng chẵn – Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)
- Tương đương: 40.701.000 USD (Bằng chữ: Bốn mươi triệu, bảy trăm linh một nghìn đô la Mỹ);
13. Nguồn vốn đầu tư:
- Vốn ODA không hoàn lại của Chính phủ Hàn Quốc: 35.000.000 USD tương đương 794.500.000.000 VNĐ;
 - Phần vốn đối ứng phía Việt Nam cấp phát từ ngân sách nhà nước: 5.701.000 USD tương đương 129.626.527.000 VNĐ;
14. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án;
Theo hình thức thành lập Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng một dự án.
15. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2018-2020;
16. Thời hạn sử dụng công trình: 50 đến 100 năm;
17. Các nội dung khác:
- Chính phủ Việt Nam và Chính phủ Hàn Quốc thực hiện quản lý dự án thông qua Cơ quan Hợp tác quốc tế Đại Hàn Dân Quốc (KOIKA) và Bộ Khoa học và Công nghệ Việt Nam (MOST) quy định trong “Điều khoản tham chiếu” tại Biên bản thảo luận giữa KOIKA và MOST ký ngày 24/10/2014;
 - Thực hiện nghĩa vụ thuế giá trị gia tăng đầu ra đối với phần công trình xây dựng thực hiện từ vốn viện trợ không hoàn lại của Chính phủ Hàn Quốc theo Biên bản thảo luận giữa KOIKA và MOST ký ngày 24/10/2014 và quy định tại Thông tư số 181/2013/TT-BTC ngày 03/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chính sách thuế và ưu đãi thuế đối với các chương trình, dự án sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và nguồn vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ;
 - Trong cơ cấu tổng mức đầu tư dự án VKIST (giai đoạn 1) chưa tính chi phí hoàn trả bồi thường giải phóng mặt bằng với kinh phí ước tính là 35,6 tỷ đồng (tương đương 4,5 tỷ đồng/ha) do chưa có cơ sở thẩm định;
 - Thiết bị công nghệ do Công ty Tư vấn Thiết kế Xây dựng và Quy hoạch Heerim (Hàn Quốc) lập trong quá trình thực hiện dự án.
- Điều 2. Trách nhiệm của Chủ đầu tư:**
- Tổ chức lập, thẩm tra và trình cấp có thẩm quyền thẩm định phê duyệt các bước tiếp theo của Dự án VKIST theo đúng các quy định hiện hành;

- Xác định tỷ giá ngoại tệ giữa Đồng Việt Nam và Đô La Mỹ tại thời điểm triển khai làm cơ sở thực hiện đấu thầu, thanh quyết toán các gói thầu theo đúng quy định hiện hành;

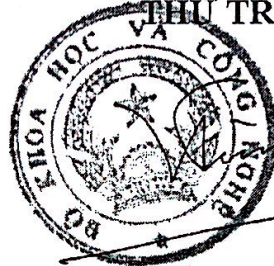
- Trong quá trình triển khai phải có báo cáo gửi Bộ Khoa học và Công nghệ để giám sát việc thực hiện theo quy định;

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch – Tài chính, Trưởng ban Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, Viện trưởng Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam - Hàn Quốc tại Việt Nam và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

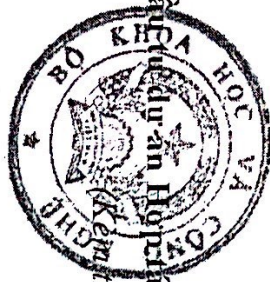
Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ KHĐT, Bộ TC;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thủ trưởng Trần Văn Tùng;
- Vụ KH -TC, Vụ CNC, HTQT;
- Lưu VT, VP.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG**



Trần Văn Tùng



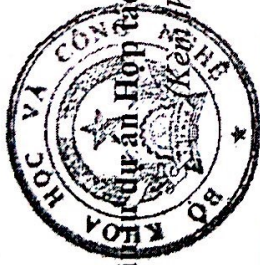
Phụ lục I

Tổng mức đầu tư dự án Hỗ trợ xây dựng Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam - Hàn Quốc tại Việt Nam
Kèm theo Quyết định số 995/QĐ-BKH-CN ngày 30/4/2017)

STT	Khoản mục chi phí	Giá trị		Ghi chú
		USD	VND	
I	Phần KOICA thực hiện	35,000,000	794,500,000,000	Chi tiết tại Phụ lục 2
II	Phần Việt Nam thực hiện	5,701,000	129,626,526,819	Chi tiết tại Phụ lục 3
	Tổng cộng	40,701,000	924,126,526,819	
	Làm tròn	40,701,000	924,126,527,000	

Ghi chú:

- Tỷ giá ngoại tệ: 1 USD = 22.700 VND;
- Chi phí do KOICA thực hiện không bao gồm thuế VAT.

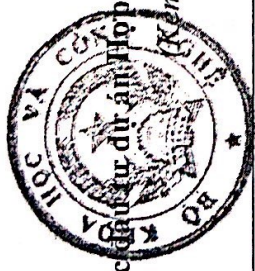


Phụ lục 2

Tổng mức đầu tư an ninh xây dựng Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam - Hàn Quốc tại Việt Nam
(theo Quyết định số 355/QĐ-BKHCN ngày 30/10/2017)

STT	Khoản mục chi phí	Nội dung	Giá trị		Ghi chú
			USD	VND	
I	Chuyên gia tư vấn cho hoạt động của V-KIST	Chi phí cho chuyên gia Hàn Quốc để xây dựng kế hoạch tổng thể V-KIST, cung cấp tư vấn cần thiết trong lĩnh vực thiết kế và xây dựng, cung cấp thiết bị, quản lý và vận hành V-KIST nhằm cung cấp một chương trình phát triển năng lực và thực hiện nghiên cứu chung	2,500,000	56,750,000,000	
II	Chương trình Phát triển năng lực & Nghiên cứu chung	Chi phí đào tạo, chương trình học và nghiên cứu chung tại Hàn Quốc và Việt Nam (tài liệu đào tạo, đi lại trong nước và quốc tế, bảo hiểm, chỗ ở và bữa ăn và trợ cấp sinh hoạt hàng ngày cho người tham gia, vv)	2,000,000	45,400,000,000	
III	Xây dựng viện nghiên cứu	Toàn bộ chi phí cho xây dựng V-KIST bao gồm: Thiết kế, xây dựng và giám sát	22,000,000	499,400,000,000	Chi tiết tại Phụ lục 4

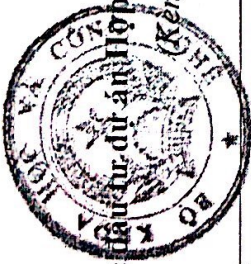
IV	Cung cấp thiết bị	Chi phí cho hoạt động mua sắm, vận chuyển, lắp đặt thiết bị nghiên cứu, hệ thống CNTT, điện tử, đồ dùng cơ bản trong phòng hành chính và phòng thí nghiệm. (Bao gồm chi phí mua 01 xe 7 chỗ, 1 xe 16 chỗ phục vụ dự án)	6,000,000	136,200,000,000	
V	Quản lý dự án và chi phí khác	Chi phí quản lý dự án, đánh giá dự án, dự phòng, v.v ...	2,500,000	56,750,000,000	
	Tổng cộng		35,000,000	794,500,000,000	



Phụ lục 3

Tổng mức đầu tư dự án Hợp tác xây dựng Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam - Hàn Quốc tại Việt Nam
Kèm theo Quyết định số 395/QĐ-BKHHCN ngày 30/10/2017)

STT	Khoản mục chi phí	Giá trị (VND)			Sau thuế (USD)
		Trước thuế	Thuế VAT	Sau thuế	
I	Chi phí xây dựng	84,165,137,691	8,416,513,769	92,581,651,460	4,078,487
II	Chi phí thiết bị	643,920,000	64,392,000	708,312,000	31,203
III	Chi phí quản lý dự án	5,725,000,000	0	5,725,000,000	252,203
IV	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	5,051,798,548	505,179,855	5,556,978,402	244,713
V	Chi phí khác	6,975,878,727	597,831,887	7,573,710,614	324,833
VI	Chi phí dự phòng	15,987,982,545	1,492,891,799	17,480,874,344	769,193
	TỔNG CỘNG	118,549,717,510	11,076,809,310	129,626,526,819	5,700,631



Phụ lục 4

Tổng mức đầu tư dự án Hợp tác xây dựng Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam - Hàn Quốc tại Việt Nam
(Kèm theo Quyết định số 2958/QĐ-BKHCN ngày 30 / 10/2017)

STT	Khoản mục chi phí	Giá trị		Ghi chú
		VND	USD	
I	Chi phí xây dựng	324,150,533,450	14,279,759	
II	Chi phí thiết bị	67,933,014,891	2,992,644	
II	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	48,866,356,331	2,152,703	
III.1	Chi phí quản lý xây dựng	30,842,206,250	1,358,688	
III.2	Công việc thực hiện bởi Heerim	16,889,150,081	744,015	
III.3	Tư vấn Công trình xanh	1,135,000,000	50,000	
III.4	Công việc thực hiện bởi Tư vấn khác			
IV	Chi phí khác	13,050,019,316	574,891	
V	Chi phí dự phòng	45,399,992,399	2,000,000	
	TỔNG CỘNG	499,399,916,387	21,999,996	
	LÀM TRÒN	499,400,000,000	22,000,000	